

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VĂN GIANG  
TỈNH HƯNG YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 126/2023/HS-ST

Ngày: 31/10/2023

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoàng Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoan

Ông Nguyễn Văn Tiệp

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Văn Nhật - Thư ký TAND huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa:** Bà Lý Thị Lan - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 116/2023/TLST-HS ngày 11 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2023/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 10 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Lê Văn D; Giới tính: Nam.

Sinh năm: 1990 tại huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Nơi ĐKKHKT: thôn Đ, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Con ông: Lê Văn G (đã chết).

Con bà: Lâm Thị V; Sinh năm: 1964; nghề nghiệp: Làm ruộng.

Gia đình có 4 chị em, bị cáo là thứ ba.

Vợ: Mè Thị T, sinh năm 1991 (đã ly hôn)

Có 2 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2018.

Tiền án, tiền sự: Chưa có.

Nhân thân: Năm 2014, 2021 bị Công an thị xã N, tỉnh Yên Bái xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Đánh bạc.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/4/2023 đến ngày 24/4/2023 chuyển tạm giam, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H.

2. Họ và tên: Bùi Khương D1; Giới tính: Nam.

Sinh năm: 1993 tại huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Nơi ĐKHKTT: thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Con ông: Bùi Hạ T1, sinh năm 1967; Nghề nghiệp: Làm ruộng

Con bà: Bùi Thị C (đã chết).

Gia đình có 2 chị em, bị cáo là thứ hai.

Vợ, con: Chưa có.

Tiền án: Chưa có.

Tiền sự: Năm 2020 bị Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức, Hà Nội áp dụng biện pháp đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 18 tháng. Ngày 11/11/2021 chấp hành xong quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính nêu trên.

Nhân thân: Năm 2015 bị Tòa án huyện N, tỉnh Ninh Bình xử 6 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/4/2023 đến ngày 24/4/2023 chuyển tạm giam, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H.

3. Họ và tên: Lò Văn D2; Giới tính: Nam.

Sinh năm: 1996 tại huyện T, tỉnh Lai Châu.

Nơi ĐKHKTT: Bản Hợp 1, xã Bản Lang, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Con ông: Lò Văn L (đã chết)

Con bà: Vàng Thị K, sinh năm 1976; Nghề nghiệp: Làm ruộng.

Gia đình có 3 anh em, bị cáo là thứ nhất

Vợ, con: Chưa có.

Tiền án: Năm 2017 bị Tòa án huyện P, tỉnh Lai Châu xử 6 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy và Chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy. Ngày 16/10/2022 chấp hành xong án phạt tù trở về địa phương.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/4/2023 đến ngày 24/4/2023 chuyển tạm giam, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H.

Theo lệnh trích xuất đều có mặt tại phiên tòa

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

**Chị Nguyễn Thị Thanh D3**; Sinh năm: 1985

Trú tại: Tổ D, phường P, thị xã N, tỉnh Yên Bái

**\* Người làm chứng:**

+ Anh **Nguyễn Đình M**; Sinh năm: 1987

Trú tại: Phố A, phường S, quận H, thành phố Hải Phòng

+ Anh **Nguyễn Kim P**; Sinh năm: 1990

Trú tại: Đường H, phường T, quận H, thành phố Hải Phòng

Tại phiên tòa: Chị D3, anh M, anh P đều vắng mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 19/4/2023, tại tầng 4 căn biệt thự liền kề (chưa có người ở) số ĐDD118 đường Đ, khu đô thị S thuộc địa phận xã N, huyện V; các anh Nguyễn Kim P, Nguyễn Đình M đều là bảo vệ của khu đô thị S, bắt quả tang Bùi Khương D1 sinh năm 1993, HKTT: thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Bình và Lò Văn D2 sinh năm 1996, HKTT: Bản H, xã B, huyện P, tỉnh Lai Châu đang có hành vi chia nhau các gói ma túy để mang đi bán. Thu giữ của D1 và D2 01 túi nilon màu xanh có khóa bóp, bên trong đựng 16 gói nilon màu trắng đều chứa chất màu trắng dạng cục và bột. Thu giữ của D1 1 chiếc điện thoại N màu đen, gắn sim số 0332.627.955 và 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đen (không gắn biển số). Ngay sau đó, anh M và anh P đã bàn giao D1 và D2 cùng vật chứng, đồ vật có liên quan cho Công an xã N. Công an xã N đã lập biên bản tiếp nhận người bị bắt trong trường hợp phạm tội quả tang đối với Bùi Khương D1 và Lò Văn D2; tiến hành niêm phong túi nilon đựng 16 gói chứa chất màu trắng dạng cục và bột trong phong bì kí hiệu M1. Cùng ngày, Công an xã N bàn giao D1 và D2 cùng với vật chứng và toàn bộ đồ vật có liên quan cho Cơ quan CSĐT Công an huyện V để điều tra theo thẩm quyền.

Tại cơ quan điều tra, Bùi Khương D1 (gọi tắt là Khương D1) khai nhận số ma túy bị lực lượng bảo vệ của khu đô thị sinh thái Dream City thu giữ khi bắt quả tang đối với D1 và D2 là do D1 mua của Lê Văn D (gọi tắt là Văn D), sinh năm 1990, HKTT: Thôn Đ, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, đang ở trọ tại phòng E, xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên. Ngày 20/4/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện V tiến hành khám xét khẩn cấp phòng số 501 nhà nghỉ E và ra lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Lê Văn D. Kết quả khám xét đã thu giữ của Văn D: 27 gói nilon nhỏ màu trắng có kích thước khác nhau, bên trong đều chứa chất màu trắng dạng cục và bột, niêm phong kí hiệu T1; 01 gói nilon màu trắng, kích thước (2x1,7)cm bên trong chứa chất màu trắng dạng cục và bột, niêm phong kí hiệu T2; 01 gói nilon màu trắng, kích thước (3,4x2,6)cm, bên trong chứa chất màu trắng dạng cục và bột, niêm phong kí hiệu T3; 01 chiếc cân tiểu ly màu đen; 01 chiếc kéo có chuôi nhựa màu vàng; 01 túi nilon màu trắng, bên trong có 20

mảnh nilon có kích thước khác nhau; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, gắn sim số 0986.348.823; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng, gắn sim số 0833195666; số tiền 2.707.000đ. Ngoài ra còn quản lý của Văn D 01 xe ô tô nhãn hiệu Vios màu sơn bạc, biển số 29A-548.18.

Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã đưa Bùi Khương D1, Lò Văn D2, Lê Văn D đến Trung tâm y tế huyện V xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể; quyết định trưng cầu giám định về ma túy đối với chất đã thu giữ trong các niêm phong ký hiệu M1, T1, T2, T3. Kết quả xét nghiệm xác định Khương D1, Văn D và D2 đều dương tính với ma túy (MOP). Tại bản kết luận giám định số 213/KL-KTHS(MT) ngày 22/4/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh H xác định: Chất màu trắng dạng cục và bột trong niêm phong kí hiệu M1, có tổng khối lượng 0,729g, là ma túy, loại Heroine; chất màu trắng dạng cục và bột trong niêm phong ghi kí hiệu T1 có tổng khối lượng là 1,084g, là ma túy loại Heroine; Chất màu trắng dạng cục và bột trong niêm phong kí hiệu T2 có khối lượng là 0,932g, là ma túy loại Heroine; chất màu trắng dạng cục và bột trong niêm phong kí hiệu T3, có khối lượng là 6,680g là ma túy, loại Heroine.

Cơ quan CSĐT Công an huyện V gửi văn bản trao đổi về thẩm quyền giải quyết đối với hành vi bán trái phép chất ma túy của Lê Văn D xảy ra trên địa bàn huyện V. Ngày 23/4/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện V có văn bản đề nghị Cơ quan CSĐT Công an huyện V giải quyết vụ án trên.

Quá trình điều tra xác định, giữa Khương D1 và Văn D đều là đối tượng sử dụng chất ma túy và có mối quan hệ quen biết nhau. Khương Duy biết Lò Văn D2 sống lang thang tại địa bàn xã N, huyện V nên nảy sinh ý định mua ma túy của Văn D rồi chia nhỏ ra để cùng với D2 bán kiếm lời. Sau khi bán được ma túy, Khương D1 sẽ cho D2 ma túy để sử dụng. Khoảng 10 giờ 20 phút ngày 19/4/2023, Khương D1 sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen gắn sim thuê bao số 0332.627.955, gọi đến số điện thoại di động 0986.348.823 của Văn D hỏi mua của Văn D 1.000.000đ ma túy loại Heroin, Văn D đồng ý bán và hẹn Khương D1 đến trước cửa nhà nghỉ E thuộc thôn N, xã T, huyện V nhận ma túy. Khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, Khương D1 điều khiển xe mô tô của mình, nhãn hiệu Honda Wave (không gắn biển số), chở Lò Văn D2 từ chỗ trọ ở thôn A, xã N đến quán C1 (không nhớ tên) ở giáp Quốc Lộ E thuộc xã T, huyện V để ăn cơm. D1 bảo D2 chờ tại quán cơm để D1 đi mua ma túy để cả hai mang đi bán lấy tiền chi tiêu, D2 đồng ý. Khương D1 đi đến trước cửa nhà nghỉ E thì gặp Văn D, đưa cho Văn D 1.000.000đ (gồm 2 tờ tiền mệnh giá 500.000đ), Văn D đưa lại cho Khương Duy 1 túi nilon màu xanh đựng 1 cục ma túy loại Heroine. Khương Duy cất gói ma túy trong túi quần bên phải rồi quay lại quán cơm. Ăn cơm xong, Khương D1 chở D2 đến căn biệt thự số ĐDD118 đường Đ thuộc khu đô thị S, xã N, đỗ xe ở phía trước cửa căn biệt thự. Khương Duy nhặt 1 chiếc túi nilon màu trắng và cùng với D2 đi lên căn phòng tại tầng 4, D1 dùng tay xé nhỏ chiếc túi nilon đã nhặt ra thành 16 mảnh, rồi đổ cục ma túy đã mua của Văn D ra tấm kính ở nền phòng, cùng với D2 dùng móng tay chia nhỏ cục ma túy cho vào 16 mảnh nilon, gói lại thành 16 gói (gọi là tép). Khi Khương D1 đang chuẩn bị giao 8 tép ma túy cho D2 mang đi bán thì đã bị anh P, anh M bắt quả tang.

Văn D khai nhận, sáng ngày 18/4/2023, Văn D mượn xe ô tô nhãn hiệu Vios, biển số 29A- 548.18 của chị Nguyễn Thị Thanh D3, sinh năm 1985, HKTT: Tổ D, phường P, thị xã N, tỉnh Yên Bái, nói với chị D3 là đi có việc. Văn D điều khiển xe ô tô đến khu vực giáp ranh giữa địa bàn thị xã N và huyện T, tỉnh Yên Bái, mua 4.000.000đ ma túy loại Heroine của 1 người đàn ông không rõ nhân thân, lai lịch. Người này đưa cho D 02 túi nilon màu trắng (01 túi to, 01 túi nhỏ) đều đựng ma túy, loại Heroine và 01 chiếc cân tiểu ly. D cất 2 túi ma túy vào túi quần điều khiển xe ô tô mang theo chiếc cân tiểu ly và ma túy đến địa bàn huyện V, tỉnh Hưng Yên để bán ma túy kiếm lời. Khi đến địa bàn huyện V, V vào cửa hàng tạp hóa ở ven đường (không xác định được địa chỉ cụ thể), mua 01 chiếc kéo có chuôi bằng nhựa màu vàng để làm dụng cụ chia ma túy. Khoảng 13 giờ cùng ngày, Văn D đến thuê phòng 501 Nhà nghỉ E thuộc xã T, huyện V để nghỉ và chia ma túy ra bán. Tại đây, Văn D lấy số ma túy đựng trong chiếc túi nilon to ra chia 1 phần thành 27 gói nhỏ (gọi là tép); phần còn lại, D sử dụng một ít và chia thành 2 phần, mỗi phần cất vào 1 chiếc túi nilon màu trắng, kích thước (2x1,7)cm. Túi ma túy còn lại có kích thước (3,4x2,6)cm, D để nguyên chưa chia. Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 19/4/2023, tại trước cửa nhà nghỉ E, Văn D đã bán cho Khương D1 01 túi ma túy, kích thước (2x1,7)cm, được 1.000.000đ. Đến 17 giờ ngày 20/4/2023 lực lượng CSĐT Công an huyện V khám xét khẩn cấp chỗ ở của D1 tại Phòng số 501 nhà nghỉ E đã thu giữ toàn bộ số ma túy còn lại và các đồ vật liên quan. Đối với số tiền 2.707.000đ của D1 đã bị thu giữ, có 1.000.000đ là tiền bán ma túy cho Khương D1, còn 1.707.000đ là tiền của Văn D.

Đối với chiếc xe ô tô biển số 29A- 548.18, quá trình điều tra xác định thuộc sở hữu của chị Nguyễn Thị Thanh D3. Chị D3 cho Văn D mượn nhưng không biết D sử dụng chiếc xe trên làm phương tiện đi đến địa bàn huyện V, tỉnh Hưng Yên đến thực hiện hành vi phạm tội nên không có căn cứ để xử lý đối với chị D3.

Đối với hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy của Văn D vào ngày 20/4/2023 tại nhà nghỉ E; Cơ quan CSĐT Công an huyện V có văn bản trao đổi và chuyển tài liệu liên quan đến Công an huyện V để giải quyết theo thẩm quyền.

Tại bản cáo trạng số: 123/CT-VKSVC ngày 10/10/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên đã truy tố Lê Văn D về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo điểm i khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự; truy tố các bị cáo Bùi Khương D1, Lò Văn D2 về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự.

#### ***Tại phiên tòa hôm nay:***

- Các bị cáo đều thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố, các bị cáo xin Hội đồng xét xử (HĐXX) xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố như quyết định truy tố và đề nghị HĐXX:

Tuyên bố các bị cáo Lê Văn D, Bùi Khương D1, Lò Văn D2 phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng: Điểm i khoản 2 Điều 251; Điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê Văn D.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 251; Điểm s khoản 1 điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Bùi Khương D1.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 251; Điểm s khoản 1 điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lò Văn D2.

Áp dụng: Điểm a khoản 1 điều 46; khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1, khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106; Điều 135; Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử phạt bị cáo Lê Văn D từ 08 năm tù đến 08 năm 03 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 20/4/2023.

Xử phạt các bị cáo Bùi Khương D1 từ 02 năm 06 tháng tù đến 02 năm 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 19/4/2023.

Xử phạt bị cáo Lò Văn D2 từ 02 năm 03 tháng tù đến 02 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 19/4/2023.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

- Tịch thu cho tiêu hủy:

+ 01 phong bì niêm phong hoàn mẫu vật gửi giám định bên trong có 0,718g ma túy trong phong bì kí hiệu M1, 01 vỏ túi nilon, các mảnh túi nilon và 1 vỏ phong bì niêm phong mẫu vật gửi giám định.

+ 01 phong bì niêm phong hoàn mẫu vật gửi giám định bên trong có 1,066g ma túy loại Heroine ghi kí hiệu T1.

+ 01 phong bì niêm phong hoàn mẫu vật gửi giám định bên trong có 0,919g ma túy loại Heroine ghi kí hiệu T2.

+ 01 phong bì niêm phong hoàn mẫu vật gửi giám định bên trong có 6,649g ma túy loại Heroine ghi kí hiệu T3; các mảnh túi nilon, 3 vỏ phong bì niêm phong mẫu vật gửi giám định.

+ 01 chiếc cân tiểu ly màu đen; 01 chiếc kéo bằng kim loại có chuôi nhựa màu vàng; 01 túi nilon màu trắng bên trong có 20 mảnh nilon nhỏ.

- Tịch thu phát mại sung ngân sách Nhà nước: 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen; 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave không gắn biển số;

- Tịch thu cho tiêu hủy: 01 sim điện thoại số 0833.195.666, 01 sim điện thoại số 0986.348.823, 01 sim điện thoại số 0332.627.955

- Trả lại chị Nguyễn Thị Thanh D3 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios biển số 29A-548.18.

- Tịch thu của bị cáo Lê Văn D số tiền 1.000.000đ để sung ngân sách nhà nước.

- Trả lại bị cáo Lê Văn D số tiền 1.707.000đ và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng;

Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

- Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo không có ý kiến khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện. Hành vi, quyết định tố tụng, người tiến hành tố tụng đều đảm bảo đúng pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, các bị cáo và đại diện Viện kiểm sát đề nghị xét xử vụ án vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng. Xét thấy người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt nhưng đã có lời khai đầy đủ trong hồ sơ vụ án, sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án nên HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 292, khoản 1 Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự tiếp tục xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung vụ án:

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 19/4/2023, tại căn biệt thự số 118ĐĐĐ đường Đ, khu đô thị S thuộc xã N, huyện V, lực lượng bảo vệ của khu đô thị bắt quả tang Bùi Khương D1 và Lò Văn D2 đang có hành vi cất giấu 16 gói ma túy loại Heroine, có tổng 0,729g. Mục đích để chia nhau mang đi bán kiếm lời. Số ma túy trên, Bùi Khương D1 mua của Lê Văn D vào khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, tại trước cửa nhà nghỉ E thuộc xã T, huyện V với số tiền 1.000.000đ. Hồi 17 giờ ngày 20/4/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện V khám xét khẩn cấp chỗ ở của Lê Văn D tại phòng 501 nhà nghỉ E nêu trên, đã thu giữ của Lê Văn D 8,696g ma túy loại Heroine cùng các vật chứng, tài sản có liên quan. Mục đích Văn D cất

giấu số ma túy trên để bán kiếm lời. Tổng khối lượng ma túy Lê Văn D dùng để mua bán trái phép là 9,425g Heroine.

Hành vi của các bị cáo Bùi Khương D1, Lò Văn D2, Lê Văn D đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Với các yếu tố cấu thành tội phạm của các bị cáo, Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang truy tố các bị cáo Bùi Khương D1, Lò Văn D2 về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo Lê Văn D về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo điểm i khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Đối với người đã bán ma túy cho Lê Văn D, do không xác định được nhân thân, lai lịch, hành vi không xảy ra trên địa bàn huyện V nên không có căn cứ xem xét, xử lý.

Chị Nguyễn Thị Thanh D3 cho Lê Văn D mượn chiếc xe ô tô để làm phương tiện đi lại nhưng không biết D sử dụng chiếc xe trên làm phương tiện đi đến địa bàn huyện V, tỉnh Hưng Yên để thực hiện hành vi phạm tội nên không xem xét, xử lý trách nhiệm hình sự đối với chị D3 là đúng quy định của pháp luật.

Đối với hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy của Lê Văn D vào ngày 20/4/2023 tại nhà nghỉ E; Cơ quan CSĐT Công an huyện V có văn bản trao đổi và chuyển tài liệu liên quan đến Công an huyện V để giải quyết theo thẩm quyền là chính xác.

[3]. Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của nhà nước đối với các chất ma túy, gây tác hại lớn về nhiều mặt cho xã hội, làm ảnh hưởng đến các chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước. Hành vi của các bị cáo còn hủy hoại sức khỏe, trí lực của con người, phá hoại kinh tế, hạnh phúc gia đình, là nguồn gốc phát sinh ra các tệ nạn xã hội và các loại tội phạm khác, gây hoang mang lo lắng, bất bình trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo đều là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi sử dụng chất ma túy và mua bán chất ma túy là hành vi pháp luật nghiêm cấm nhưng để thỏa mãn nhu cầu của bản thân và thu lợi bất chính, các bị cáo bất chấp pháp luật, thực hiện tội phạm. Do đó, cần phải xét xử nghiêm minh đối với các bị cáo.

Đánh giá tính chất, mức độ, vai trò của từng bị cáo trong vụ án, HĐXX nhận thấy:

Trong vụ án này, hành vi của bị cáo Lê Văn D là độc lập, không phải là đồng phạm với bị cáo Bùi Khương D1 và Lò Văn D2, do đó bị cáo Lê Văn D phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội của mình.

Hành vi phạm tội của bị cáo Bùi Khương D1, Lò Văn D2 là đồng phạm nhưng với tính chất giản đơn, không có sự phân công cụ thể. Tuy nhiên, bị cáo Bùi Khương D1 đóng vai trò chính, là người trực tiếp đi mua ma túy của bị cáo Lê Văn D về rồi chuẩn bị các dụng cụ để chia ma túy đưa cho D2 để đi bán; Bị



cáo D2 tham gia với vai trò là đồng phạm giúp sức bị cáo D mang ma túy đi bán để được bị cáo D cho ma túy sử dụng. HĐXX sẽ xem xét vai trò, mức độ hành vi của các bị cáo khi lượng hình để áp dụng cho mỗi bị cáo một hình phạt phù hợp mới đủ sức răn đe và giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội.

Việc đưa các bị cáo ra xét xử tại phiên toà hôm nay không chỉ nhằm mục đích trừng trị, giáo dục giúp bị cáo sớm cai nghiện, trở thành người có ích cho gia đình và xã hội mà còn nhằm mục đích tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật trong quần chúng nhân dân, từ đó có thái độ tôn trọng pháp luật và phối hợp cùng các cơ quan bảo vệ pháp luật đấu tranh, phòng chống và loại trừ loại tội phạm này ra khỏi đời sống xã hội. Việc quyết định hình phạt đối với các bị cáo còn là lời cảnh báo, răn đe đối với những người có ý định thực hiện tội phạm về ma túy nói riêng và các loại tội phạm khác nói chung.

[4]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo Lê Văn D, Bùi Khương D1 không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Năm 2017 bị cáo Lò Văn D2 bị Tòa án huyện P, tỉnh Lai Châu xử 6 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy và Chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy. Ngày 16/10/2022 bị cáo chấp hành xong hình phạt chính. Đến thời điểm thực hiện hành vi phạm tội mới, bị cáo chưa được xóa án tích, do đó bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là Tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra và tại phiên toà hôm nay, các bị cáo đều đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải do đó cả 3 bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Lê Văn D có ông nội là liệt sĩ nên HĐXX sẽ xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6]. Để đáp ứng yêu cầu phòng chống tội phạm, căn cứ vào quy định của Bộ luật hình sự, tính chất, mức độ của hành vi, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo trong vụ án, HĐXX xét thấy:

Các bị cáo đều là đối tượng nghiện ma túy, có nhân thân xấu, biết rõ tác hại của ma túy, biết rõ việc mua bán trái phép ma túy là vi phạm pháp luật nhưng không chịu cai nghiện để trở thành công dân tốt, sống có ích cho gia đình, cộng đồng mà coi thường pháp luật cố tình phạm tội nên cần thiết phải áp dụng cho các bị cáo một hình phạt tương xứng đồng thời cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội, buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tại trại giam mới đủ tác dụng trừng trị, giáo dục riêng đối với từng bị cáo và làm bài học ngăn ngừa tội phạm chung cho mọi người.

[7]. Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[8]. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

Đối với các vật chứng của vụ án là các phong bì niêm phong hoàn mẫu vật gửi giám định bên trong có ma túy là vật cấm lưu hành; các vỏ túi nilon, cân tiểu ly, kéo đều là đồ vật không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu cho tiêu hủy.

Quá trình điều tra đã đủ căn cứ xác định:

Đối với 02 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen đã thu giữ của bị cáo Lê Văn D và Bùi Khương D1 là phương tiện để các bị cáo liên lạc với nhau trong quá trình mua bán trái phép chất ma túy; chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave không gắn biển số đã đủ căn cứ là tài sản riêng của bị cáo Bùi Khương D1, bị cáo sử dụng khi đi mua ma túy của Lê Văn D. Do đó sẽ tịch thu, phát mại sung ngân sách Nhà nước. Các thẻ sim điện thoại thu được kèm theo điện thoại sẽ tịch thu cho tiêu hủy.

Chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng là của bị cáo Lê Văn D không sử dụng vào mục đích phạm tội nên sẽ trả lại bị cáo.

Đối với chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios biển số 29A-548.18, chủ sở hữu là chị Nguyễn Thị Thanh D3, chị D3 cho Lê Văn D mượn làm phương tiện đi lại, chị D3 không biết việc D sử dụng để đi mua ma túy, do đó sẽ trả lại chị D3 chiếc xe này.

Đối với số tiền 2.707.000đ thu giữ của bị cáo Lê Văn D, trong đó có số tiền 1.000.000đ là tiền D bán ma túy cho Bùi Khương D1 mà có, nay sẽ tịch thu để sung ngân sách nhà nước số tiền này. Số tiền còn lại là 1.707.000đ, là tiền riêng của bị cáo, không liên quan tới hành vi phạm tội nên sẽ trả lại bị cáo.

[9]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[10]. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **1. Về điều luật áp dụng:**

Áp dụng: Điểm i khoản 2 Điều 251; Điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê Văn D.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 251; Điểm s khoản 1 điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Bùi Khương D1.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 251; Điểm s khoản 1 điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lò Văn D2.

Áp dụng: Điểm a khoản 1 điều 46; khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1, khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106; Điều 135; Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

**2. Tuyên bố:** Các bị cáo Lê Văn D, Bùi Khương D1, Lò Văn D2 phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

**3. Mức hình phạt:**

Xử phạt bị cáo Lê Văn D 08 (Tám) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 20/4/2023.

Xử phạt bị cáo Bùi Khương D1 02 (Hai) năm 09 (Chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 19/4/2023.

Xử phạt bị cáo Lò Văn D2 02 (Hai) năm 06 (S) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 19/4/2023.

**4. Về hình phạt bổ sung:** Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

**5. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:**

- Tịch thu cho tiêu hủy:

+ 01 phong bì niêm phong hoàn mẫu vật gửi giám định bên trong có 0,718g ma túy loại Heroine trong phong bì, 01 vỏ túi nilon, các mảnh túi nilon và 1 vỏ phong bì niêm phong mẫu vật gửi giám định.

+ 01 phong bì niêm phong hoàn mẫu vật gửi giám định bên trong có 1,066g ma túy loại Heroine ghi kí hiệu T1.

+ 01 phong bì niêm phong hoàn mẫu vật gửi giám định bên trong có 0,919g ma túy loại Heroine ghi kí hiệu T2.

+ 01 phong bì niêm phong hoàn mẫu vật gửi giám định bên trong có 6,649g ma túy loại Heroine ghi kí hiệu T3; các mảnh túi nilon, 3 vỏ phong bì niêm phong mẫu vật gửi giám định.

+ 01 chiếc kéo bằng kim loại có chuôi cầm bằng nhựa màu vàng

+ 01 chiếc cân tiểu ly màu đen;

+ 01 túi nilon màu trắng bên trong có 20 mảnh nilon nhỏ.

- Tịch thu, phát mại sung ngân sách Nhà nước: 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen được niêm phong trong phong bì dán kín ký hiệu ĐT1; 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave không gắn biển số;

- Tịch thu cho tiêu hủy: 01 sim điện thoại số 0833.195.666, 01 sim điện thoại số 0986.348.823, 01 sim điện thoại số 0332.627.955

- Trả lại chị Nguyễn Thị Thanh D3 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios biển số 29A-548.18.

- Tịch thu của bị cáo Lê Văn D số tiền 1.000.000đ để sung ngân sách nhà nước.

- Trả lại bị cáo Lê Văn D: 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng được niêm phong trong phong bì dán kín ký hiệu ĐT2 và số tiền 1.707.000đ.

*(Tình trạng, số lượng vật chứng theo biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 26/10/2023 và Giấy ủy nhiệm chi ngày 26/10/2023 giữa Công an huyện V và Chi cục Thi hành án dân sự huyện V)*

**6. Về án phí:** Buộc các bị cáo Lê Văn D, Nguyễn Khương D4, Lò Văn D2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

**7. Về quyền kháng cáo:** Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Phòng KTNV&THA-TAND tỉnh HY;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- CA huyện Văn Giang;
- VKS huyện Văn Giang;
- Chi cục THADS huyện Văn Giang;
- UBND xã Tam Đa, Sơn Dương, Tuyên Quang
- UBND xã Thạch Bình, Nho Quan, Ninh Bình
- UBND xã Bản Lang, Phong Thổ, Lai Châu
- Các bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Trần Hoàng Lâm***